

Số: 41/2021/QĐST-HNGĐ

Điện Biên Phủ, ngày 07 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 39/2021/TLVDS- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Cà Văn L - Sinh năm 1988; Địa chỉ: Bản N, xã P K, thành phố Đ b P, tỉnh Đ;

- Bà Lù Thị T - Sinh năm 1998; Địa chỉ: Bản P, xã M P, thành phố Đ B P, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48/2016, do Ủy ban nhân dân xã Pá Khoang, huyện Điện Biên (nay thành phố Điện Biên Phủ), tỉnh Điện Biên, cấp ngày 05/12/2016 cho bà Lù Thị T và ông Cà Văn L, cùng lời trình bày của các bên có đủ cơ sở xác nhận quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp.

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn; bản tự khai và biên bản hòa giải đoàn tụ ngày 30/3/2021, bà T và ông L cũng xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân được 4 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà T và ông L thỏa

thuận thống nhất yêu cầu tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên công nhận thuận tình ly hôn.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà T và ông L là sự tự nguyện của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về con chung: Bà T và ông L có 01 con chung là cháu: Lù Thị N Q - Sinh ngày 30/10/2014. Bà T và ông L thỏa thuận với nhau bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000đ/1 tháng. Mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng theo tháng, tính từ tháng 4 năm 2021.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí giải quyết vụ việc: Ông Cà Văn L tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí DSST là 300.000 đồng.

Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và tài sản khi ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lù Thị T và ông Cà Văn L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lù Thị N Q - Sinh ngày 30/10/2014, đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000đ/1 tháng. Mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng theo tháng, tính từ tháng 4 năm 2021.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Cà Văn L tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số

AA/2020/0000492 ngày 05/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh DB;
- VKSND TP. DBP;
- Chi cục THADS TP. DBP;
- Các đương sự;
- UBND xã Pá Khoang, TP Điện Biên Phủ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thương Huyền